

Phụ lục I
BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC GIAO NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh/01/2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Đơn vị	Biên chế giao năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4
I	Cấp tỉnh	1,396	
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	64	
2	Sở Nội vụ	69	
3	Ban Dân tộc	20	
4	Thanh tra tỉnh	37	
5	Sở Tư pháp	31	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	54	
7	Sở Tài chính	63	
8	Sở Giao thông vận tải	56	
9	Sở Công Thương	52	
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	440	
11	Sở Xây dựng	37	
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	69	
13	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	67	
14	Sở Thông tin và Truyền thông	26	
15	Sở Ngoại vụ	17	
16	Sở Khoa học và Công nghệ	33	
17	Sở Y tế	60	
18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	63	
19	Sở Giáo dục và Đào tạo	49	
20	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ban thuộc HĐND tỉnh	10	
	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	31	
21	BQL các Khu kinh tế và khu công nghiệp tỉnh	45	

TT	Đơn vị	Biên chế giao năm 2024	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
22	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	3	
II	UBND huyện, thị xã, thành phố	1,724	
1	Tam Kỳ	113	
2	Hội An	112	
3	Điện Bàn	114	
4	Thăng Bình	105	
5	Núi Thành	107	
6	Đại Lộc	100	
7	Duy Xuyên	100	
8	Quế Sơn	91	
9	Phú Ninh	90	
10	Tiên Phước	91	
11	Hiệp Đức	89	
12	Bắc Trà My	90	
13	Nam Trà My	90	
14	Phước Sơn	90	
15	Nam Giang	90	
16	Đông Giang	90	
17	Tây Giang	90	
18	Nông Sơn	72	
III	Dự phòng	6	
TỔNG CỘNG		3,126	

Phụ lục II
GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC NĂM 2024
ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHƯA ĐƯỢC GIAO QUYỀN TỰ CHỦ;
HỘI QUẦN CHÚNG ĐƯỢC ĐĂNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ

*(Kèm theo Quyết định số #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh/01/2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số lượng người làm việc được giao năm 2024	Trong đó									
			Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước					Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị				
			Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp				Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp			
				Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác		Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Đơn vị sự nghiệp công lập; Hội quần chúng được Đăng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh	8,874	6,510	3,286	2,539	224	461	2,364	501	1,809	28	26
1	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	8,089	6,251	3,224	2,539	140	348	1,838	-	1,809	6	23
1.1	Văn phòng UBND tỉnh	12	12				12	-				-
1.2	Sở Nội vụ	15	13				13	2				2
1.3	Sở Tư pháp	36	35				35	1				1
1.4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	19	19				19	-				-
1.5	Sở Giao thông vận tải	6	6				6	-				-
1.6	Sở Công Thương	19	17				17	2				2

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số lượng người làm việc được giao năm 2024	Trong đó										
			Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước					Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị					
			Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp				Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp				
				Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác		Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1.7	Sở Nông nghiệp và PTNT	94	90				90	4					4
1.8	Sở Tài nguyên và Môi trường	25	21				21	4					4
1.9	Sở Văn hoá, TT và Du lịch	170	164	24		140		6			6		
1.1	Sở Khoa học và Công nghệ	20	13				13	7					7
1.11	Sở Y tế	4,341	2,532		2,532			1,809		1,809			
1.12	Sở Giáo dục và Đào tạo	3,200	3,200	3,200				-	-				
1.13	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	132	129		7		122	3					3
2	Đơn vị trực thuộc tỉnh	730	204	62	-	84	58	526	501	-	22	3	
2.1	BQL các Khu kinh tế và khu công nghiệp tỉnh	15	15				15	-					
2.2	BQL Vườn QG Sông Thanh	31	28				28	3					3
2.3	Đài Phát thanh - Truyền hình	106	84			84		22			22		
2.4	Trường Đại học Quảng Nam	162	-					162	162				
2.5	Trường Cao đẳng Quảng Nam	276	-					276	276				
2.6	Trường Cao đẳng Y tế	125	62	62				63	63				

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số lượng người làm việc được giao năm 2024	Trong đó										
			Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước					Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị					
			Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp				Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp				
				Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác		Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
2.7	Tinh đoàn Quảng Nam (đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh đoàn)	15	15				15	-					
3	Hội cấp tỉnh	55	55	-	-	-	55						
3.1	Liên hiệp các hội Khoa học - Kỹ thuật	5	5				5						
3.2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	4	4				4						
3.3	Hội Văn học - Nghệ thuật	7	7				7						
3.4	Hội Nhà báo	1	1				1						
3.5	Hội Luật gia	4	4				4						
3.6	Liên minh Hợp tác xã	14	14				14						
3.7	Hội Khuyến học	2	2				2						
3.8	Hội Người mù	4	4				4						
3.9	Hội Chữ thập đỏ	10	10				10						
3.10	Hội Đông y	4	4				4						
II	Đơn vị sự nghiệp công lập; Hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp huyện	21,225	21,168	20,364	-	326	478	57	-	-	6	51	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số lượng người làm việc được giao năm 2024	Trong đó									
			Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước					Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị				
			Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp				Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp			
				Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác		Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Tam Kỳ	1,386	1,383	1,329		26	28	3			3	-
2	Hội An	1,103	1,103	1,080			23	-			-	-
3	Điện Bàn	2,470	2,470	2,419		16	35	-			-	-
4	Thăng Bình	2,199	2,197	2,138		22	37	2			-	2
5	Núi Thành	1,786	1,784	1,751		18	15	2			2	-
6	Đại Lộc	1,875	1,867	1,822		18	27	8			-	8
7	Duy Xuyên	1,541	1,541	1,502		19	20	-			-	-
8	Quế Sơn	1,093	1,093	1,052		15	26	-			-	-
9	Phú Ninh	961	957	909		17	31	4			-	4
10	Tiên Phước	1,124	1,114	1,075		18	21	10			-	10
11	Hiệp Đức	711	711	683		16	12	-			-	-
12	Bắc Trà My	1,064	1,046	983		25	38	18			-	18
13	Nam Trà My	861	859	808		22	29	2			-	2
14	Phước Sơn	662	660	613		22	25	2			-	2
15	Nam Giang	710	708	665		17	26	2			-	2
16	Đông Giang	643	643	596		17	30	-			-	-
17	Tây Giang	581	581	527		23	31	-			-	-
18	Nông Sơn	455	451	412		15	24	4			1	3

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số lượng người làm việc được giao năm 2024	Trong đó										
			Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước					Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị					
			Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp				Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp				
				Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác		Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
III	Dự phòng	20	20				20						
TỔNG CỘNG		30,119	27,698	23,650	2,539	550	959	2,421	501	1,809	34	77	

Phụ lục III

**GIAO BỔ SUNG BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Không nằm trong biên chế viên chức giao tại Phụ lục II)**

*(Kèm theo Quyết định số #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh/01/2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)*

TT	Đơn vị, địa phương	Biên chế giao bổ sung năm học 2022 - 2023	Biên chế giao bổ sung năm học 2023 - 2024
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
TỔNG CỘNG		142	151
I	UBND cấp huyện	126	136
1	Bắc Trà My	28	16
2	Duy Xuyên	0	10
3	Đại Lộc	9	5
4	Đông Giang	12	8
5	Điện Bàn	4	12
6	Hiệp Đức	16	0
7	Hội An	0	5
8	Nam Giang	2	1
9	Nam Trà My	18	11
10	Nông Sơn	0	7
11	Núi Thành	0	18
12	Phú Ninh	0	0
13	Phước Sơn	0	3
14	Quế Sơn	2	1
15	Tam Kỳ	8	11
16	Tây Giang	0	7
17	Thăng Bình	17	11
18	Tiên Phước	10	10
II	Sở Giáo dục và Đào tạo	16	15